TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:21/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/02/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn – Hưu trí;

2. Bà Phạm Tú Nhi – Hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 332/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐHPT-HNGĐ ngày 17/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1993; thường trú: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên hệ: Số A Khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Tuấn H, sinh năm 1988; thường trú: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Số A đường C, khu dân cư A, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Tuấn H tự nguyên yêu nhau, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2014, quyển số 5/2013 cấp ngày 11/02/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù cả hai vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả.

Nhận thấy, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Trần Tuấn H.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thị Thu H1, sinh ngày 27/02/2015. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Thu H1, không yêu cầu anh Trần Tuấn H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Tuấn H: Đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, nhưng không đến Toà án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Ngày 01/11/2023 Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫnvấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trần Tuấn H tại Hội liên phụ nữ phường T và được cung cấp thông tin như sau: Chị Nguyễn Thị M không phải là thành viên hội phụ nữ phường. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Toà án, chị M cũng không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở; Hội liên phụ nữ phường T cũng không tiếp nhận thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ảnh. Vì vậy, Hội liên hiệp phụ nữ phường Tân Đông Hiệp không rõ nguyên nhân mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trần Tuấn H. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An*: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Trần Tuấn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, căn cứ theo Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Tuấn H tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: số 28/2014, quyển số 5/2013, do Ủy ban nhân dân xã L, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11/02/2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận, hạnh phúc nên chị M yêu cầu ly hôn với anh H. Quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập anh Trần Tuấn H để hòa giải nhưng anh H vắng mặt không rõ lý do. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị M yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Nguyễn Thị M.

[3] Về con chung: chị Nguyễn Thị M có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Trần Thị Thu H1, sinh ngày 27/02/2015. Quá trình tố tụng anh Trần Tuấn H cũng không có ý kiến gì đối với các con chung. Tại Bản tự khai ngày 24/11/2023 cháu Trần Thị Thu H1 có nguyện vọng được ở với mẹ. Ngoài ra, cháu H1 hiện nay cũng do chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, việc giao Trần Thị Thu H1, sinh ngày 27/02/2015 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị M không yêu cầu anh Trần Tuấn H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận đình của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7) Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Trần Tuấn H (Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2014, quyển số 5/2013 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện N (nay là thị xã N), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11/02/2014).

2. Về con chung. Chị Nguyễn Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Thu H1, sinh ngày 27/02/2015. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị M về việc không yêu cầu anh Trần Tuấn H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị M và anh Trần Tuấn H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên,Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006866 ngày 06/10/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà